



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF EXTENDED ACCREDITED CALIBRATION 1st

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Đo lường Hiệu chuẩn
Laboratory: Calibration Metrology Laboratory

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam
Organization: Southern Measurement and Testing Center

Số hiệu/ Code: VILAS 709

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Đo lường – Hiệu chuẩn
Field: Measurement – Calibration

Người quản lý/
Laboratory manager: Phạm Tấn Dũng

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /01/2026 đến ngày 29/07/2029

Địa chỉ/ Address: 354 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, Tp. Hồ Chí Minh
354 Truong Chinh street, Dong Hung Thuan ward, Ho Chi Minh city

Địa điểm/Location: 354 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, Tp. Hồ Chí Minh
354 Truong Chinh street, Dong Hung Thuan ward, Ho Chi Minh city

Điện thoại/ Tel: 028 6256 8389

Email: info@smetest.vn

Website: Smetest.vn

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF EXTENDED ACCREDITED CALIBRATION 1st

VILAS 709

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Điện – Điện tử

Field of calibration: Electrical – Electronic

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>		Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Thiết bị nguồn phát – máy đo ^(x) <i>Source – meter</i>	Đến/ To 300 V[DC]		ĐLMN/HC-Đ01:2025	0,01 %
		Đến/ To 300 V[AC]	10 Hz ~ 1 kHz		0,05 %
		Đến/ To 100 mA [DC]			0,05 %
		Đến/To 100 mA [AC]	10 Hz ~ 1 kHz		0,07 %
		10 Ω ~ 100 Ω			0,05 %
		100 Ω ~ 10 kΩ			0,02 %
2	Thiết bị kiểm tra dòng rò RCD ^(x) <i>RCD leakage current tester</i>	Đến/ To 500 mA	10 Hz ~ 1 kHz	ĐLMN/HC-Đ25:2025	0,70 %
		Đến/ To 19 ms			3,3 %
		(30 ~ 500) ms			1,5 %

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Tần số - Thời gian

Field of calibration: Frequency - Time

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Máy phát dạng sóng ^(x) <i>Multi - Function Generator</i>	Tần số/ <i>Frquency</i> Into 1 MΩ Into 50 Ω DC ~ 600 MHz	ĐLMN/HC-Đ22:2025	0,20 %
		Biên độ/ <i>Amplitude</i> 2 mV ~ 300 V		0,06 %
		Rise/Fall time (10% to 90%) 2 ns ~ 500 ms		0,94 %
		Offset DC ± 10 V		0,06 %

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF EXTENDED ACCREDITED CALIBRATION 1st

VILAS 709

Chú thích/ Note:

(x): Phép hiệu chuẩn có thực hiện ở hiện trường/ *On-site calibrations*;

- ĐLMN/HC-...: Quy trình hiệu chuẩn do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory-developed procedure*;

⁽¹⁾ Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k = 2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k = 2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*

- Trường hợp Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Trung tâm Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Miền Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Southern Measurement and Testing Center that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

